

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 01-2018

V/v ly hôn giữa bà G và ông V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên và bà Nguyễn Thị Như Trang.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan – Thẩm tra viên
Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 31/01/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2017/TLST - HNGĐ ngày 15/12/2017 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** : Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1968 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

*** Bị đơn:** Ông **Bùi Văn V**, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Bùi Văn V tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã B đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 11 năm 2012. Sau khi kết hôn bà về chung sống với ông V tại gia đình ông V, cuộc sống chung vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được ba tháng đầu sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được nên đến tháng 9 năm 2014 bà đã bỏ về quê bố mẹ đẻ bà ở thôn Tân Thành, xã Hồng Tiến để sinh sống và vợ chồng bà cũng sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể trở về chung sống với ông V được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly ông V.

Về con chung: Bà và ông V không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông V không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Về phía bị đơn: Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Bùi Văn V nhiều lần nhưng ông V không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã về địa phương để xác minh và giao các văn bản tố tụng (Giấy triệu tập; thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp ...) cho ông V, ông V có nhận nhưng không ký tên vào các biên bản giao nhận. Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông V, ông V đồng ý khai nhưng cũng không ký tên vào biên bản lấy lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 01 năm 2018, ông Bùi Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà G tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn bà G về chung sống với ông tại gia đình nhà ông được khoảng hai năm, sau đó thì bà G tự ý bỏ về quê bố mẹ đẻ ở xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương để sinh sống. Ông và bà G không có mâu thuẫn gì lớn, ông không đánh đập cũng không đuổi bà G, kể từ ngày bà G bỏ đi ông và bà G không có liên lạc gì với nhau. Nay bà G có đơn xin ly hôn ông, quan điểm của ông là không đồng ý ly hôn nhưng nếu như bà G có nguyện vọng quay về chung sống cùng với ông thì ông cũng không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà G không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Ông và bà G không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 10 tháng 01 năm 2018, UBND xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:

Ông Bùi Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã B, hiện nay ông V vẫn cư trú và sinh sống tại thôn H, xã B. Ông Bùi Văn V và bà Nguyễn Thị G tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 11 năm 2012. Sau khi kết hôn thì bà G về chung sống với ông V tại gia đình nhà ông V được hai năm thì thấy bà G bỏ về xã H, huyện K sinh sống không thấy bà G quay lại chung sống cùng ông V nữa. Quá trình chung sống ông V và bà G không có con chung. Về quan hệ tài sản chung: Bà G không đề nghị Tòa án giải quyết nên phía địa phương cũng không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - ông Bùi Văn V không thực hiện quyền của mình theo đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn ông Bùi Văn V. Về con chung và tài sản chung bà Nguyễn Thị G và ông Bùi Văn V không có con chung và không có tài sản gì chung, không nợ nần gì ai nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G khởi kiện xin ly hôn ông Bùi Văn V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của bà G là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Bùi Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình, hiện nay ông V vẫn cư trú và sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông V nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, như vậy ông V đã từ chối thực hiện quyền của mình. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ là về xác minh tại UBND B và tiến hành lấy lời khai của ông Bùi Văn V. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Bùi Văn V kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/11/2012 xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ông V bà G chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn nhưng cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay bà G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H, huyện K để sinh sống không

còn quan tâm và liên lạc gì với ông V nữa. Mặc dù ông V không đồng ý ly hôn bà G nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà G và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được hơn nữa ông V khẳng định ông không đồng ý ly hôn bà G nhưng nếu bà G có quay về để chung sống cùng ông thì ông cũng không chấp nhận nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G xử cho bà G được ly hôn ông V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn ông Bùi Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà G đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000884 ngày 15/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31 tháng 01 năm 2018. Ông Bùi Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- UBND xã Bình Định;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi